CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM

Số: 257 /SGD

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
DN: email=KINHDOANH@SACHGIAODUHCM.COM.VN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303280405, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, l=TPHCM, c=VN
Date: 2019.08.09 13:52:59 +07'00'

Kính gửi: - **Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước**

- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:

   6.1 Báo cáo tài chính bán niên Công ty mẹ soát sét 2019 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 06 /08/2019 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

   BCTC bán niên Công ty mẹ soát sét 2019: Lợi nhuận sau thuế bán niên Công ty mẹ soát sét 2019 giảm 22% với cùng kỳ do: Doanh thu bán niên Công ty mẹ soát sét 2019 giảm 32% so với cùng kỳ.

   Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu TC-HC-TH.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

M.S.D.N: 0303280405 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

MỤC LỤC **Trang**

Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc 1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ 6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 9
- Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 10 - 34

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2019 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Bà Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
• Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 Miễn nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Đỗ Thành Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 Miễn nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 Miễn nhiệm ngày 07/03/2019

Ban Kiểm soát

• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Phan Xuân Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 Miễn nhiệm ngày 07/03/2019
• Bà Đỗ Thị Phương Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
• Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Bà Huỳnh Thị Thùy Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 Miễn nhiệm ngày 07/03/2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2019
• Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/10/2016 Miễn nhiệm ngày 26/03/2019
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2014
• Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Từ Thanh Phụng

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Số: 926/2019/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 06/08/2019 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2019 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2019 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**54.062.386.930**	**53.429.566.584**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**12.904.131.260**	**18.185.092.768**
1. Tiền	111		3.764.277.900	6.557.761.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.139.853.360	11.627.330.919
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**4.974.854.817**	**5.185.530.423**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.531.249.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(511.688.275)	(345.718.669)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**25.580.555.548**	**22.007.602.021**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.824.510.287	15.362.161.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	970.083.360	300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	8.945.509.800	6.945.509.800
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	714.126.552	538.529.974
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(873.674.451)	(838.599.141)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**12**	**10.464.904.167**	**7.928.640.613**
1. Hàng tồn kho	141		13.083.240.510	10.361.288.039
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.618.336.343)	(2.432.647.426)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**137.941.138**	**122.700.759**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	13.170.268	19.910.907
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	124.770.870	102.789.852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**25.892.256.040**	**26.549.248.915**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**9.357.265.008**	**9.528.204.721**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.889.108.136	3.060.047.849
- Nguyên giá	222		5.561.078.486	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.671.970.350)	(2.501.030.637)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6.b**	**16.235.920.776**	**16.334.490.701**
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.554.405.700	14.554.405.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(318.484.924)	(219.914.999)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**299.070.256**	**686.553.493**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	299.070.256	686.553.493
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**79.954.642.970**	**79.978.815.499**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.441.468.809**	**21.363.529.272**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**24.441.468.809**	**21.363.529.272**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	18.042.090.041	12.740.241.187
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	145.075.285	99.894.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	49.733.563	137.246.514
4. Phải trả người lao động	314		4.061.533.735	4.339.495.337
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.127.853.167	3.953.463.488
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.348.500	85.353.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**55.513.174.161**	**58.615.286.227**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**55.513.174.161**	**58.615.286.227**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.700.974.927	10.803.086.993
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.951.486.993	5.591.450.719
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.749.487.934	5.211.636.274
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**79.954.642.970**	**79.978.815.499**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Từ Thanh Phụng	Nguyễn Thị Lan Phương	Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	22.728.030.719	33.508.297.945
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	43.607.060	213.478.596
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		22.684.423.659	33.294.819.349
4.	Giá vốn hàng bán	11	24	18.078.698.974	26.413.902.341
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**4.605.724.685**	**6.880.917.008**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.682.409.506	1.307.582.813
7.	Chi phí tài chính	22	26	264.539.531	689.500.108
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	27.a	2.021.020.848	2.717.212.410
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	2.136.174.091	2.371.179.043
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**1.866.399.721**	**2.410.608.260**
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	28	204.775	23.142.417
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(204.775)**	**(23.142.417)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**1.866.194.946**	**2.387.465.843**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	116.707.012	366.135.377
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**1.749.487.934**	**2.021.330.466**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Từ Thanh Phụng	Nguyễn Thị Lan Phương	Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	01	**1.866.194.946**	**2.387.465.843**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	170.939.713	209.228.004
-	Các khoản dự phòng	03	485.303.758	563.595.433
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.673.212.706)	(1.143.966.605)
3.	**Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**849.225.711**	**2.016.322.675**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.516.635.363)	(3.719.937.594)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.721.952.471)	(11.180.717.551)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.133.668.594	11.321.641.440
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	394.223.876	443.668.978
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	44.706.000	3.198.901.871
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(174.431.069)	(341.192.428)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**8.805.278**	**1.738.687.391**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(2.500.000.000)
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.559.838.214	1.016.335.394
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(440.161.786)**	**(1.483.664.606)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.849.605.000)	(4.043.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(4.849.605.000)**	**(4.043.000.000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(5.280.961.508)**	**(3.787.977.215)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.185.092.768	13.440.544.658
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**12.904.131.260**	**9.652.567.443**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Từ Thanh Phụng	Nguyễn Thị Lan Phương	Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có 2 công ty con:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

  Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

  Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

  Tỷ lệ sở hữu: 53,77%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

  Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

  Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

  Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/6/2019, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2019 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,…) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính..

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại bổ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	273.350.111	386.443.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.490.927.789	6.171.318.557
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	9.139.853.360	11.627.330.919
Cộng	**12.904.131.260**	**18.185.092.768**

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	6.096.711.400	511.688.275	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	*3.044.031.947*	*3.296.820.000*	-	*3.044.031.947*	*4.467.430.000*	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	*95.578*	*86.000*	*9.578*	*95.578*	*103.000*	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	*303.271.470*	*1.172.340.000*	-	*303.271.470*	*905.580.000*	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	*36.365.340*	*17.100.000*	*19.265.340*	*36.365.340*	*18.900.000*	*17.465.340*
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	*992.861.234*	*797.160.000*	*195.701.234*	*992.861.234*	*797.160.000*	*195.701.234*
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	*954.277.275*	*674.885.400*	*279.391.875*	*954.277.275*	*825.931.180*	*128.346.095*
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	*155.640.248*	*138.320.000*	*17.320.248*	*155.640.248*	*172.900.000*	-
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	-	*44.706.000*	*40.500.000*	*4.206.000*
Cộng	**5.486.543.092**	**6.096.711.400**	**511.688.275**	**5.531.249.092**	**7.228.504.180**	**345.718.669**

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	3.000	44.706.000
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	*3.000*	*44.706.000*
Cộng	**-**	**-**	**3.000**	**44.706.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	30/06/2019					01/01/2019			
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					14.554.405.700	-			14.554.405.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	*Đang hoạt động*	*55,99%*	*55,99%*	*925.300*	*11.445.035.700*	-	*55,99%*	*55,99%*	*11.445.035.700*	-
- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (i)	*Đang hoạt động*	*53,77%*	*53,77%*	*215.060*	*3.109.370.000*		*53,77%*	*53,77%*	3.109.370.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	318.484.924			2.000.000.000	219.914.999
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	*Đang hoạt động*	*1,84%*	*1,84%*		*2.000.000.000*	*318.484.924*	*1,84%*	*1,84%*	*2.000.000.000*	*219.914.999*
Cộng					**16.554.405.700**	**318.484.924**			**16.554.405.700**	**219.914.999**

(i) Kết quả kinh doanh của Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai và Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long là có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách TPHCM - Fahasa	3.310.895.686	1.118.718.086
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đăk Nông	2.439.444.960	3.092.531.960
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	333.234.900	103.582.948
Đối tượng khác	9.740.934.741	11.047.328.094
Cộng	**15.824.510.287**	**15.362.161.088**

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2019	01/01/2019
Phải thu		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	51.879.313
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	105.498.480	-
Công ty CP Học liệu (EMCO)	8.028.121	28.603.301
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	225.281.567	103.538.185
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	208.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	151.537.229
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	333.234.900	103.582.948
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	50.863.360	77.395.592
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	70.921.570	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	299.749.758
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	36.746.170	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.030.000	-
Cộng	**847.812.168**	**816.286.326**

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo Dục (Bên liên quan)	970.083.060	-
Các đối tượng khác	300	300
Cộng	**970.083.360**	**300**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan) (*)	8.945.509.800	6.945.509.800
Cộng	**8.945.509.800**	**6.945.509.800**

(*) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV-VL ngày 15/05/2018 và phụ lục hợp đồng 01-2019/PLHĐ ngày 01/01/2019 với thời gian vay vốn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, lãi suất vay là 7%/năm.
- Hợp đồng vay vốn số 03/2017/HĐVV-VL ngày 27/12/2017 và phụ lục hợp đồng 03-2019/PLHĐ ngày 01/01/2019 với thời gian vay vốn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 6.295.509.800 đồng, lãi suất vay là 4,3%/năm.
- Hợp đồng số 01/2019/HĐVV-VL ngày 27/05/2019, thời gian vay từ ngày 27/05/2019 đến ngày 27/11/2019, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất vay 7%/năm.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	403.836.282	-	290.461.790	-
Tạm ứng	126.540.830	-	64.318.744	-
Ký quỹ	181.830.000	-	181.830.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	1.919.440	-
Cộng	**714.126.552**	**-**	**538.529.974**	**-**

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	778.012.173	808.012.173
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	37.115.918	20.793.543
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	58.546.360	9.793.425
Cộng	**873.674.451**	**838.599.141**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	408.709.995	-	30.216.139	-
Chi phí SX, KD dở dang	687.937.528	-	1.163.246.162	-
Thành phẩm	11.842.935.548	2.618.336.343	9.022.011.251	2.432.647.426
Hàng hóa	143.657.439	-	145.814.487	-
Cộng	**13.083.240.510**	**2.618.336.343**	**10.361.288.039**	**2.432.647.426**

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2019 là 4.563.272.835 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2019.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	13.170.268	19.910.907
Cộng	**13.170.268**	**19.910.907**

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí tổ chức bản thảo	299.070.256	686.553.493
Cộng	**299.070.256**	**686.553.493**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**3.531.966.825**	**57.782.720**	**1.813.624.453**	**157.704.488**	**5.561.078.486**
Khấu hao					
Số đầu kỳ	734.155.663	57.158.371	1.581.581.709	128.134.895	2.501.030.637
Khấu hao trong kỳ	63.586.634	624.349	87.015.669	19.713.061	170.939.713
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**797.742.296**	**57.782.720**	**1.668.597.378**	**147.847.956**	**2.671.970.350**
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.797.811.163	624.349	232.042.745	29.569.593	3.060.047.849
Số cuối kỳ	**2.734.224.529**	**-**	**145.027.076**	**9.856.532**	**2.889.108.137**

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 1.179.854.083 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 30/06/2019.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	**6.468.156.872**	**6.468.156.872**
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối năm	-	**-**
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối kỳ	**6.468.156.872**	**6.468.156.872**

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m^2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.753.860.528	1.607.105.919
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.623.527.972	4.140.489.147
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	2.118.611.956
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	1.152.843.027	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.496.914.107	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	245.646.977	82.388.633
Các đối tượng khác	5.653.772.250	4.791.645.532
Cộng	**18.042.090.041**	**12.740.241.187**

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	2.118.611.956
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	6.764.800	3.780.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	371.048.618	260.929.538
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	322.645.628	339.416.728
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.760.560	41.388.732
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	245.646.977	82.388.633
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	621.134.097	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	146.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.753.860.528	1.607.105.919
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	46.022.000	46.022.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	39.537.960	25.347.998
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	253.917.260	290.085.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	408.193.340	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	828.836.061	789.978.271
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.623.527.972	4.140.489.147
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.152.843.027	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.496.914.107	-
Các đối tượng khác	62.195.640	141.142.259
Cộng	**15.715.055.919**	**10.223.925.047**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Bùi Anh Tôn	3.536.400	3.536.400
Công ty CP Phát hành sách Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển Giáo dục	95.830	9.030.030
Chi nhánh Công ty CP Cửa hàng Sách - Thiết bị Giáo dục Huyện Cần Giuộc	9.776.549	16.551.000
Trường THCS Ngô Tất Tố	80.000.000	-
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Các đối tượng khác	43.346.506	62.457.298
Cộng	**145.075.285**	**99.894.728**

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	102.789.852	-	15.949.007	37.930.025	124.770.870	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	54.120.793	268.761.543	298.550.437	-	24.331.899
Thuế TNDN	-	83.125.721	116.707.012	174.431.069	-	25.401.664
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	**102.789.852**	**137.246.514**	**404.417.562**	**513.911.531**	**124.770.870**	**49.733.563**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí bản thảo, biên tập	1.457.837.829	2.135.873.852
Chi phí hoa hồng môi giới	637.515.338	1.752.589.636
Chi phí khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	**2.127.853.167**	**3.953.463.488**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
Cổ tức phải trả	4.198.500	2.203.500
Thù lao trả cho HĐQT	-	80.000.000
Phải trả khác	3.150.000	3.150.000
Cộng	**7.348.500**	**85.353.500**

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	**41.370.000.000**	**2.227.438.218**	**(679.873.904)**	**4.894.634.920**	**9.634.450.719**
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.211.636.274
Giảm trong năm	-		-	-	4.043.000.000
Số dư tại 31/12/2018	**41.370.000.000**	**2.227.438.218**	**(679.873.904)**	**4.894.634.920**	**10.803.086.993**
Số dư tại 01/01/2019	**41.370.000.000**	**2.227.438.218**	**(679.873.904)**	**4.894.634.920**	**10.803.086.993**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.749.487.934
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.851.600.000
Số dư tại 30/06/2019	**41.370.000.000**	**2.227.438.218**	**(679.873.904)**	**4.894.634.920**	**7.700.974.927**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	**41.370.000.000**	**41.370.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.137.000*	*4.137.000*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	*94.000*	*94.000*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.043.000*	*4.043.000*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	10.803.086.993	9.634.450.719
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.749.487.934	5.211.636.274
Phân phối lợi nhuận	4.851.600.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.851.600.000	4.043.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	*4.851.600.000*	*4.043.000.000*
Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**7.700.974.927**	**10.803.086.993**

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 64/NQ-SGD ngày 07/03/2019.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 07/03/2019 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia bằng tiền của năm 2018 là 12%. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2019.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	22.721.321.434	33.443.123.898
Doanh thu khác	6.709.285	65.174.047
Cộng	**22.728.030.719**	**33.508.297.945**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hàng bán bị trả lại	43.607.060	213.478.596
Cộng	**43.607.060**	**213.478.596**

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	17.886.751.057	26.411.266.516
Giá vốn hoạt động khác	6.259.000	58.557.000
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	185.688.917	(55.921.175)
Cộng	**18.078.698.974**	**26.413.902.341**

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi, cho vay	390.348.055	355.609.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.282.864.651	788.357.405
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	9.196.800	163.616.208
Cộng	**1.682.409.506**	**1.307.582.813**

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	264.539.531	689.500.108
Cộng	**264.539.531**	**689.500.108**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.356.655.931	1.699.644.426
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	214.286.355	324.638.194
Chi phí hoa hồng môi giới	32.093.540	-
Các khoản khác	417.985.022	692.929.790
Cộng	**2.021.020.848**	**2.717.212.410**

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương và các khoản trích theo lương	972.928.947	1.214.906.982
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	218.126.052	235.460.009
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	35.075.310	-
Các khoản khác	910.043.782	920.812.052
Cộng	**2.136.174.091**	**2.371.179.043**

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	204.775	23.142.417
Cộng	**204.775**	**23.142.417**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.866.194.946	2.387.465.843
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.282.659.876)	(765.214.988)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)	204.775	23.142.417
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	1.282.864.651	788.357.405
Tổng thu nhập tính thuế	583.535.070	1.622.250.855
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**116.707.012**	**366.135.377**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	*116.707.012*	*324.450.171*
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	*-*	*41.685.206*

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.000.428.544	6.234.202.258
Chi phí nhân công	2.329.584.878	2.914.551.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.939.713	209.228.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.039.056.693	4.619.751.013
Chi phí khác bằng tiền	1.564.842.996	1.909.728.114
Cộng	**6.104.852.824**	**15.887.460.797**

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2019	**Không quá 1 năm**	**Trên 1 năm**	**Tổng**
Phải trả người bán	18.042.090.041	-	18.042.090.041
Chi phí phải trả	2.127.853.167	-	2.127.853.167
Phải trả khác	7.348.500	-	7.348.500
Cộng	**20.177.291.708**	**-**	**20.177.291.708**

01/01/2019	**Không quá 1 năm**	**Trên 1 năm**	**Tổng**
Phải trả người bán	12.740.241.187	-	12.740.241.187
Chi phí phải trả	3.953.463.488	-	3.953.463.488
Phải trả khác	85.353.500	-	85.353.500
Cộng	**16.779.058.175**	**-**	**16.779.058.175**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2019	**Không quá 1 năm**	**Trên 1 năm**	**Tổng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.904.131.260	-	12.904.131.260
Đầu tư tài chính	4.974.854.817	1.681.515.076	6.656.369.893
Phải thu khách hàng	14.950.835.836	-	14.950.835.836
Phải thu về cho vay	8.945.509.800	-	8.945.509.800
Phải thu khác	587.585.722	-	587.585.722
Cộng	**42.362.917.435**	**1.681.515.076**	**44.044.432.511**

01/01/2019	**Không quá 1 năm**	**Trên 1 năm**	**Tổng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.185.092.768	-	18.185.092.768
Đầu tư tài chính	5.185.530.423	1.780.085.001	6.965.615.424
Phải thu khách hàng	14.523.561.947	-	14.523.561.947
Phải thu về cho vay	6.945.509.800	-	6.945.509.800
Phải thu khác	474.211.230	-	474.211.230
Cộng	**45.313.906.168**	**1.780.085.001**	**47.093.991.169**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo Dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Bán hàng		
Công ty CP Sách đại học dạy nghề		17.777.132
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	139.602.890	7.319.071.930
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	276.345.177	299.085.066
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	101.122.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	871.000	-
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	33.148.386	76.544.510
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	116.886.480	268.225.790
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	229.514.830	290.004.830
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.030.000	29.250.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.365.304.980	1.395.993.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.830.937.960	1.827.822.420
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	-	41.479.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	75.957.440	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	180.551.721	429.682.591
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	83.469.060	112.654.575
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	50.863.360	157.033.181
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	332.791.282	1.246.090.551
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	69.146.668	254.753.130
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	655.501.833	202.293.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	314.291.085	173.093.524
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	4.003.199.480
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	7.043.400	33.643.100
Công ty CP Sách Dân Tộc	110.119.080	1.100.225
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	83.228.900	114.574.720
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	118.718.000	194.161.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	163.258.344	214.108.210
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	828.980.450	4.773.448.827
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.652.040	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	-	24.031.077
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.369.758.909	602.075.500
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	39.537.960	68.429.780
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	124.598.700	807.659.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	408.193.340	924.492.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	11.388.000	1.202.500.260
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	446.825.401	686.316.694
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.504.671.170	1.947.975.790
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.960.160.168	1.405.413.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	520.823.940	12.524.081.230
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	36.543.600	132.344.160
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	3.680.356.050	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Cho vay		
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	2.000.000.000	2.500.000.000

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	299.198.000	299.657.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	81.900.000	91.800.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Từ Thanh Phụng	Nguyễn Thị Lan Phương	Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019